

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2020

*“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ánh Đông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Đình Nguyên và bà Nguyễn Thị Huê.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thanh D, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn M, xã KBL, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị D trình bày: Chị D và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 20/8/2019. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, anh T không chăm lo cho gia đình nên đã xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, chị D không còn tình cảm với anh T, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân. Do vậy, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị D và anh T có một con chung là Tr, sinh ngày 23/3/2019. Chị D có nguyện vọng được nuôi

đưỡng cháu Tr và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đồng/tháng cho đến khi cháu Tr trưởng thành. Về tài sản và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản khai ngày 16/6/2020, bị đơn anh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D có đăng ký kết hôn như chị D đã trình bày trong đơn khởi kiện. Quá trình chung sống, vợ chồng không hiểu tính nhau nên có xảy ra cãi vã, xích mích nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Anh T vẫn còn tình cảm với vợ con và mong muốn được đoàn tụ. Vì vậy, anh T không đồng ý ly hôn với chị D. Nếu chị D vẫn cương quyết ly hôn thì anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh T và chị D có một con chung là Tr, sinh ngày 23/3/2019. Nếu ly hôn, anh T đồng ý giao cháu Tr cho chị D nuôi dưỡng nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị D. Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị D và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D không còn tình cảm với anh T. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị D với anh T. Về con chung: Giao cho chị D được trực tiếp nuôi con là cháu Tr, sinh ngày 23/3/2019; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Tr thành niên. Về tài sản và nợ chung: Chị D và anh T không có yêu cầu nên không đề cập. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ, anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị D yêu cầu ly hôn với anh T, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A. Nguyên đơn chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh T có đủ điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị D và anh T đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Tổ dân phố B và UBND phường T

đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của chị D và anh T, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh T không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh T có một con chung là Tr, sinh ngày 23/3/2019, chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tr. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, hiện nay cháu Tr đang được chị D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Tr hiện đang còn nhỏ, chưa được 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Tr cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Do vậy, chị D yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Chị D yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D là phù hợp nên cần chấp nhận. Về phương thức cấp dưỡng, do các bên không tự thỏa thuận được nên cần buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và tự lập được.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh D.

- *Về hôn nhân*: Chị D được ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr, sinh ngày 23/3/2019, khi cháu Tr chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Tr với số tiền 1.500.000 đồng/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004369 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (21/8/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)  
**Đồng Ánh Đông**